

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 3 - 2021

*V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Ông Trần Minh Đáng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 213/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Lê Phi Y**, sinh năm 20XX. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 19YY. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 9 năm 2020, Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai cùng ngày 26 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn chị Nguyễn Lê Phi Y trình bày: Chị Nguyễn Lê Phi Y và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương vào năm 2018. Đến ngày 23 tháng 9 năm 2019, chị Y và anh T đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76.

Chị Y và anh T chung sống có một người con chung là cháu Nguyễn Xuân V, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2019. Hiện cháu V đang sống chung với chị Y; về tài sản chung không có và không vay, mượn tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng nào nên không có nợ chung.

Trong thời gian chung sống, do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, giữa chị Y và anh T không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị Y và anh T đã tự chấm dứt quan hệ chung sống với nhau và sống ly thân với nhau từ tháng 07 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị Y và anh T không có biện pháp gì hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Nay chị Y yêu cầu được ly hôn với anh T; chị Y yêu cầu được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Xuân V, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2019 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ý kiến, trình bày của bị đơn anh Nguyễn Hữu T: Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh T đến Tòa án, nhưng anh T không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Y cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh T, cho chị Y được ly hôn với anh T. Giao cháu Nguyễn Xuân V, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2019 cho chị Y tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị Y phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Y yêu cầu ly hôn với anh T và hiện nay anh T cư trú tại ấp T, xã Vĩnh Hưng, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T đã được triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập anh T hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do và chị Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Y và anh T.

[2] Về nội dung: Chị Y và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 23 tháng 9 năm 2019 nên hôn nhân giữa chị Y và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Y yêu cầu được ly hôn với anh T với lý do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, giữa chị Y và anh T không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị Y và anh T đã tự chấm dứt quan hệ chung sống với nhau và sống ly thân với nhau từ tháng 07 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị Y và anh T không có biện pháp gì hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tại Biên bản xác minh ngày 24 tháng 3 năm 2021, ông Nguyễn Thanh H (là cha ruột của anh T) cũng xác định trong quá trình chung sống, do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung, giữa anh T và chị Y thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc nên khoảng tháng 7 năm 2020 anh T và chị Y đã sống ly thân với nhau. Từ những chứng cứ trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh T, xử cho chị Y và anh T ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị Y yêu cầu được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Xuân V, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2019 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu này của chị Y. Xét thấy, tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Đồng thời, kể từ khi chị Y và anh T sống ly thân, cháu V đã có cuộc sống ổn định cùng với chị Y và trong quá trình chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng thì cháu V phát triển bình thường. Do vậy, để tránh việc thay đổi nơi ở, làm xáo trộn tâm sinh lý của cháu V, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao cháu V cho

chị Y tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Y đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V nên được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V. Chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu V nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y xác định chị Y và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Anh T không thể hiện có tranh chấp và yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, chị Y phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị Y đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008341 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

[3] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 Phần II Mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Lê Phi Y đối với anh Nguyễn Hữu T, cho chị Nguyễn Lê Phi Y ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân V, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2019 cho chị Nguyễn Lê Phi Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Nguyễn Lê Phi Y đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Xuân V nên chị Nguyễn Lê Phi Y được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Xuân V.

Anh Nguyễn Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Lê Phi Y không yêu cầu anh Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Xuân V nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, chị Nguyễn Lê Phi Y phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Lê Phi Y đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008341 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Mỹ Xuyên